

Bản án số: 3900/2024/DS-ST

Ngày: 22-8-2024

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Mai Trâm

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Tâm

2. Bà Phan Thị Bé

Thư ký phiên tòa: Bà Đậu Thị Hải Hoài – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức – Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Võ Hồng D – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 2312/2023/TLST-DS ngày 26 tháng 12 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5009/2023/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 6062/2024/QĐST-DS ngày 30 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Thảng Tư T, sinh năm: 1965 (có mặt)

Địa chỉ: E đường A, tổ B, khu phố F, phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: Bà Đỗ Thu H, sinh năm: 1978 (vắng mặt)

Địa chỉ: 6 khu phố A, phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị M, sinh năm: 1969 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: số E đường A, khu phố F, phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh

Ông Lê Ngọc H1, sinh năm: 1975 (vắng mặt)

Địa chỉ thường trú: 614/96 khu phố A, phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ đang cư trú: tổ dân phố P, phường H, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Tháng Tư T trình bày:

Vào ngày 10/10/2019 bà Đỗ Thu H mượn của ông T1 Tư Trung số tiền 110.000.000 đồng, hai bên có lập giấy mượn tiền, trong giấy mượn tiền không ghi lãi suất nhưng thỏa thuận miệng 3%/tháng, thời hạn mượn là 01 năm, đến ngày 21/10/2019 bà H mượn thêm của ông T 30.000.000 đồng và ghi thêm vào giấy mượn tiền ngày 10/10/2019. Bà H giao cho ông T1 Tư Trung giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR569973, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 05534 ngày 28/02/2014 đứng tên ông Lê Ngọc H1 và bà Đỗ Thu H. Quá trình vay bà H chưa trả khoản tiền gốc, lãi nào. Tại đơn khởi kiện ông Tháng Tư T yêu cầu bà Đỗ Thu H trả nợ gốc số tiền 140.000.000 đồng và tiền lãi 110.000.000 đồng, sau khi bà H trả đầy đủ nợ gốc và lãi cho ông T, ông T sẽ trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR569973, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 05534 do Ủy ban nhân dân Quận I cấp ngày 28/02/2014 cho bà H. Ông T cho cá nhân bà H vay nên chỉ yêu cầu cá nhân bà H trả nợ.

Bị đơn bà Đỗ Thu H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Ngọc H1 vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị M trình bày: bà M là vợ của ông Tháng Tư T, số tiền ông T cho bà H vay là tiền của cá nhân ông T, nay bà thống nhất với yêu cầu của ông T, không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa: nguyên đơn ông Tháng Tư T yêu cầu bị đơn bà Đỗ Thu H trả nợ gốc số tiền 140.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 22/10/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất 10%/năm, số tiền lãi 53.645.200 đồng. Rút 01 phần yêu cầu đối với tiền lãi, số tiền 56.354.800 đồng.

Bị đơn bà Đỗ Thu H và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Ngọc H1 vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị M có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: đúng theo quy định pháp luật.

- Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định pháp luật, tuân theo nội quy phiên tòa. Đương sự có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự.

Về nội dung vụ án:

Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, căn cứ lời khai của các bên tại phiên tòa, căn cứ Điều 466 Bộ luật dân sự đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn nợ gốc 140.000.000 đồng.

Về tiền lãi. Đề nghị hội đồng xét xử căn cứ Điều 468 Bộ luật dân sự, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền lãi 53.645.200 đồng. Do nguyên đơn rút 01 phần yêu cầu đối với số tiền lãi 56.354.800 đồng, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ 01 phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Nguyên đơn có trách nhiệm trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR569973, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 05534 do Ủy ban nhân dân Quận I cấp ngày 28/02/2014 cho bị đơn.

Về án phí: bị đơn phải nộp theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Thảng Tư T nộp đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bà Đỗ Thu H. Đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Do bị đơn cư trú tại thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Bị đơn bà Đỗ Thu H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Ngọc H1 đã được triệu tập hợp lệ đến dự phiên Tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị M có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt.

Đương sự tham gia và thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Đương sự có mặt không yêu cầu mời người làm chứng, người tham gia tố tụng khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về chứng cứ của vụ án: Tòa án đã đảm bảo việc công khai các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án theo quy định tại các Điều 208, 209, 210, 211 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đương sự cam kết không có tài liệu chứng cứ nào khác và tại phiên tòa đương sự có mặt cũng không bổ sung thêm chứng cứ nào khác.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn:

[2.1] Yêu cầu đối với nợ gốc:

Căn cứ giấy mượn tiền lập ngày 10/10/2019 có cơ sở xác định vào ngày 10/10/2019 bà Đỗ Thu H mượn của ông T1 Tư Trung số tiền 110.000.000 đồng, hai bên có lập giấy mượn tiền, thời hạn mượn là 01 năm, đến ngày 21/10/2019 bà H mượn thêm của ông T 30.000.000 đồng và ghi thêm vào giấy mượn tiền ngày 10/10/2019, tổng cộng 140.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức triệu tập hợp lệ nhiều lần cho bà H nhưng bà H vắng mặt không có lý do, không có ý kiến và tài liệu chứng cứ gì gửi cho Tòa án chứng minh đã trả nợ cho ông T. Do đó căn cứ khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 ông T yêu cầu bà H trả số tiền gốc 140.000.000 đồng, trả ngay một lần khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Đối với yêu cầu trả tiền lãi: theo lời khai của ông T thì trong giấy mượn tiền không thỏa thuận tiền lãi, nhưng thực tế đôi bên thỏa thuận miệng lãi suất là 3%/tháng. Như vậy thỏa thuận miệng nêu trên không phù hợp theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Tuy nhiên theo lời khai của ông T thì bà H chưa trả khoản tiền lãi nào, quá trình giải quyết vụ án bà H vắng mặt và không có ý kiến, tài liệu chứng cứ gì gửi cho Tòa án chứng minh đã trả tiền lãi cho ông T. Tại phiên tòa ông T yêu cầu bị đơn bà Đỗ Thu H trả tiền lãi tính từ ngày 22/10/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm (22/8/2024): $140.000.000 \text{ đồng} \times 46 \text{ tháng} \times 0,833\%/\text{tháng} (10\%/\text{năm}) = 53.645.200 \text{ đồng}$. Như vậy yêu cầu của nguyên đơn phù hợp theo quy định tại khoản 4 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tổng cộng số tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 193.645.200 đồng.

Căn cứ giấy mượn tiền lập ngày 10/10/2019 và lời khai của ông T xác nhận, khi vay tiền bà H có giao cho ông T giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR569973, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 05534 do Ủy ban nhân dân Quận I cấp ngày 28/02/2014 đứng tên bà Đỗ Thu H và ông Lê Ngọc H1. Do đó ông T có trách nhiệm trả lại giấy chứng nhận nêu trên cho bà H.

[2.3] Tại phiên tòa nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với tiền lãi, số tiền không yêu cầu 56.354.800 đồng. Xét, việc rút một phần yêu cầu của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện. Căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật dân

sự năm 2015, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu nêu trên của nguyên đơn.

Như vậy đề nghị của kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức là phù hợp.

Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Đỗ Thu H phải nộp số tiền án phí là: $5\% \times 193.645.200 \text{ đồng} = 9.682.260 \text{ đồng}$.

Nguyên đơn không phải chịu án phí, trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp 6.250.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2023/0001645 ngày 20/12/2023.

Vì các lẽ nêu trên.

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, điểm c khoản 1 Điều 217 và khoản 2 Điều 244, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 463, 466, 468 Bộ Luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc bà Đỗ Thu H có trách nhiệm trả cho ông T1 Tư Trung số tiền nợ gốc 140.000.000 (một trăm bốn mươi triệu) đồng và tiền lãi 53.645.200 (năm mươi ba triệu sáu trăm bốn mươi lăm ngàn hai trăm) đồng, tổng cộng 193.645.200 (một trăm chín mươi ba triệu sáu trăm bốn mươi lăm ngàn hai trăm) đồng theo giấy mượn tiền ghi ngày 10/10/2019 và 21/10/2019.

Ông Thảng Tư T có trách nhiệm trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR569973, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 05534 do Ủy ban nhân dân Quận I cấp ngày 28/02/2014 cho bà Đỗ Thu H.

Việc trả tiền và giấy tờ thực hiện làm một lần tại chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không yêu cầu bà Đỗ Thu H trả số tiền lãi 56.354.800 đồng.

3. Về án phí: Bà Đỗ Thu H phải nộp số tiền án phí là: 9.682.260 đồng (chín triệu sáu trăm tám mươi hai ngàn hai trăm sáu mươi đồng) tại chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền khi án có hiệu lực pháp luật.

Ông Thảng Tư T không phải chịu án phí, trả lại cho ông T1 Tư Trung số tiền tạm ứng án phí đã nộp 6.250.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2023/0001645 ngày 20/12/2023.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Tp. HCM;
- VKSND TP. Thủ Đức;
- Chi cục TP. Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Mai Trâm